

大仁科技大學 115 學年度秋季班新南向產學合作國際專班
休閒運動管理系學生錄取名單

Tajen University 2026 Fall Semester Industry-Academia Collaboration
Program for International Students

Admission List of Department of Recreation and Sports Management
Chương trình hợp tác giữa doanh nghiệp và học thuật dành cho sinh viên
quốc tế, học kỳ mùa thu năm 2026 của Đại học Tajen.
Danh sách trúng tuyển của Khoa Quản lý Giải trí và Thể thao

經 115 年 7 月 28 日招生委員會審查通過

編號 No.	學制 Degree	中文姓名 Chinese Name	英文姓名 English Name	國籍 Nationality	錄取別 Admitted/Waitlisted Chính thức / dự bị
1	學士 Bachelor Cử nhân	阮○財	NGUYEN VAN TAI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
2	學士 Bachelor Cử nhân	農○堅	NONG HUNG KIEN	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
3	學士 Bachelor Cử nhân	裴○靈	BUI THE LINH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
4	學士 Bachelor Cử nhân	胡○明	HO NHAT MINH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
5	學士 Bachelor Cử nhân	裴○魁	BUI DANG KHOI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
6	學士 Bachelor Cử nhân	寧○修	NINH ANH TU	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
7	學士 Bachelor Cử nhân	黃○寶	HOANG NGOC BAO	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
8	學士 Bachelor Cử nhân	張○山	TRUONG VAN SON	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
9	學士 Bachelor Cử nhân	駱○龍	LAC HOANG LONG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
10	學士 Bachelor Cử nhân	黎○強	LE TUAN CUONG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
11	學士 Bachelor Cử nhân	阮○都	NGUYEN THANH DO	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
12	學士 Bachelor Cử nhân	阮○英	NGUYEN THE ANH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
13	學士 Bachelor Cử nhân	阮○東	NGUYEN VAN DONG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
14	學士 Bachelor Cử nhân	阮○黃	NGUYEN VAN HOANG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
15	學士 Bachelor	高○戰	CAO TRONG CHIEN	越南 Vietnam	正取 Admitted

	Cử nhân			Việt Nam	Chính thức
16	學士 Bachelor Cử nhân	潘○枢	PHAN DINH XU	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
17	學士 Bachelor Cử nhân	武○月	VU THI NGUYET	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
18	學士 Bachelor Cử nhân	阮○君	NGUYEN MINH QUAN	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
19	學士 Bachelor Cử nhân	趙○黃	TRIEU HUY HOANG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
20	學士 Bachelor Cử nhân	河○鍾	HA THANH CHUNG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
21	學士 Bachelor Cử nhân	裴○成	BUI CONG THANH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
22	學士 Bachelor Cử nhân	阮氏○芝	NGUYEN THI PHUONG CHI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
23	學士 Bachelor Cử nhân	范○維	PHAM NGOC DUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
24	學士 Bachelor Cử nhân	范○中	PHAM VAN TRUNG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
25	學士 Bachelor Cử nhân	翹○荀	KIEU VAN TUAN	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
26	學士 Bachelor Cử nhân	譚氏○兒	DAM THI YEN NHI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
27	學士 Bachelor Cử nhân	阮○海	NGUYEN VAN HAI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
28	學士 Bachelor Cử nhân	潘○水	PHAN THANH THUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
29	學士 Bachelor Cử nhân	胡○謹	HO XUAN CAN	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
30	學士 Bachelor Cử nhân	范○泰	PHAM DANH THAI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
31	學士 Bachelor Cử nhân	範○甲	PHAM VAN GIAP	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
32	學士 Bachelor Cử nhân	范○孟	PHAM VAN MANH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
33	學士 Bachelor Cử nhân	陳氏○詩	TRAN THI ANH THO	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
34	學士 Bachelor Cử nhân	武氏○嫻	VU THI THANH NHAN	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
35	學士 Bachelor Cử nhân	陳氏○玲	TRAN THI KIM LINH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức

36	學士 Bachelor Cử nhân	朱氏○寶	CHU THI NHU BAO	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
37	學士 Bachelor Cử nhân	丁文○達	DINH VAN TIEN DAT	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
38	學士 Bachelor Cử nhân	段○德	DOAN PHI DUC	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
39	學士 Bachelor Cử nhân	阮○孝	NGUYEN VAN HIEU	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
40	學士 Bachelor Cử nhân	范○忠	PHAM NGOC CHUNG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
41	學士 Bachelor Cử nhân	黎○榮	LE DUC VINH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
42	學士 Bachelor Cử nhân	阮○輝	NGUYEN NHAT HUY	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
43	學士 Bachelor Cử nhân	阮○輝	NGUYEN VAN HUY	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
44	學士 Bachelor Cử nhân	阮○日	NGUYEN VAN NHAT	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
45	學士 Bachelor Cử nhân	農○福	NONG VAN PHUC	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
46	學士 Bachelor Cử nhân	譚○活	TAM MANH HOAT	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
47	學士 Bachelor Cử nhân	阮○寶	NGUYEN THE BAO	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
48	學士 Bachelor Cử nhân	阮○達	NGUYEN DUC DAT	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
49	學士 Bachelor Cử nhân	裴氏○桃	BUI THI ANH DAO	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
50	學士 Bachelor Cử nhân	裴氏○英	BUI THI LAN ANH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
51	學士 Bachelor Cử nhân	胡○忠	HO CONG CHUNG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
52	學士 Bachelor Cử nhân	梅○冰	MAI SY BANG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
53	學士 Bachelor Cử nhân	阮○黃	NGUYEN HUY HOANG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
54	學士 Bachelor Cử nhân	阮氏○草	NGUYEN THI BE THAO	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
55	學士 Bachelor Cử nhân	韋○康	VY VAN KHANG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
56	學士 Bachelor	呂○鵬	LU TRONG BANG	越南 Vietnam	備取 Waitlisted Dự

	Cử nhân			Việt Nam	bi
57	學士 Bachelor Cử nhân	黃○鵬	HUYNH AI MI	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
58	學士 Bachelor Cử nhân	阮胡○南	NGUYEN HO HAI NAM	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
59	學士 Bachelor Cử nhân	阮○海	NGUYEN VAN HAI	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
60	學士 Bachelor Cử nhân	阮○興	NGUYEN THINH HUNG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
61	學士 Bachelor Cử nhân	羅○政	LA TAI CHINH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
62	學士 Bachelor Cử nhân	黃○英	HOANG TUAN ANH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
63	學士 Bachelor Cử nhân	阮○長	NGUYEN DINH TRUONG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
64	學士 Bachelor Cử nhân	阮○賢	NGUYEN THI HIEN	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
65	學士 Bachelor Cử nhân	阮○海	NGUYEN VAN HAI	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
66	學士 Bachelor Cử nhân	阮○書	NGUYEN MINH THU	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
67	學士 Bachelor Cử nhân	王○銀	VUONG THAO NGAN	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
68	學士 Bachelor Cử nhân	阮○俊	NGUYEN TRONG TUAN	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
69	學士 Bachelor Cử nhân	阮○甲	NGUYEN QUANG GIAP	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
70	學士 Bachelor Cử nhân	吳○光	NGO DUC QUANG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
71	學士 Bachelor Cử nhân	潘○尚	PHAN TAN SANG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
72	學士 Bachelor Cử nhân	阮○軍	NGUYEN HUU QUAN	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
73	學士 Bachelor Cử nhân	陶○紅	DAO THU HONG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
74	學士 Bachelor Cử nhân	蘇○傑	TO MINH KIET	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi